TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **1044**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2021
Về việc Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tùng.

Bà Đặng Thị Huệ Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 320/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 3473/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số X1 Lầu 2 đường Đ1, Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lương Quang V (Luong Quang V), sinh năm 1969; quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng L trình bày: Bà và ông Lương Quang V (Luong Quang V) quen biết nhau từ tháng 9 năm 2013 tại Việt Nam, sau đó ông Lương Quang V (Luong Quang V) về Hoa Kỳ, hai người vẫn giữ liên hệ với nhau qua mạng xã hội. Đầu tháng 4 năm 2014, ông Lương Quang V (Luong Quang V) về Việt Nam và hai người tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X2 Quyển số 6 ngày 09 tháng 5 năm 2014, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 5 năm 2014. Ngay sau khi kết hôn, ông Lương Quang V (Luong Quang V) trở về Hoa Kỳ để tiến hành thủ tục bảo lãnh bà

sang đoàn tụ. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 9 năm 2014, bà biết được ông Lương Quang V (Luong Quang V) không chung thủy nên đã chủ động đề nghị ngưng thủ tục bảo lãnh, hai người phát sinh mâu thuẫn và cãi vã. Do không còn liên hệ với nhau nên mâu thuẫn giữa hai người không thể giải quyết được, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Lương Quang V (Luong Quang V).

Về con chung: Bà và ông Lương Quang V (Luong Quang V) không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông Lương Quang V (Luong Quang V) không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

Đối với bị đơn ông Lương Quang V (Luong Quang V): Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Lương Quang V (Luong Quang V) có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Trần Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo Công văn ủy thác tư pháp số 897/UTTPDS-TA30 ngày 13 tháng 11 năm 2020). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt cũng như bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lời khai, tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Lương Quang V (Luong Quang V) quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; nguyên đơn bà Trần Thị Hồng L cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn thông qua thủ tục ủy thác tư pháp nhưng không có thông báo về kết quả tống đạt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X2 Quyển số 6 ngày 09 tháng 5 năm 2014, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 5 năm 2014, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng L với ông Lương Quang V (Luong Quang V) được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng L thì sau khi kết hôn vợ chồng bà không có thời gian chung sống do ông Lương Quang V (Luong Quang V) trở về Hoa Kỳ sinh sống, làm việc. Quá trình ông Lương Quang V (Luong Quang V) làm thủ tục bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ để đoàn tụ thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn tin tưởng lẫn nhau. Từ cuối năm 2014 đến nay hai người không còn liên hệ với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Lương Quang V (Luong Quang V).

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn không thực tế chung sống và không còn liên hệ với nhau trong khoảng thời gian dài, vợ chồng hoàn toàn không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Trần Thị Hồng L được ly hôn ông Lương Quang V (Luong Quang V) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Lương Quang V (Luong Quang V) không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Lương Quang V (Luong Quang V) không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng L:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Hồng L được ly hôn với ông Lương Quang V (Luong Quang V).

Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X2 Quyển số 6 ngày 09 tháng 5 năm 2014, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 5 năm 2014 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X3 ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng L có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lương Quang V (Luong Quang V) theo quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thời hạn kháng cáo của bị đơn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn